

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 09-03-2021

NHÂN DANH

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý.

Ông Lương Ngọc Biên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Linh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2021/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 tại Bắc Giang; nơi cư trú: thôn H, xã Tiến D, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị B; vợ: Hà Thị T, sinh năm 1990. Con: Có 3 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Bản án số 92/2014/HSST, ngày 30/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Ngày 01/9/2017 bị Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.(có mặt tại phiên tòa).

-Bị hại: Anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1990.(vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Xóm 3, xã Nghi X, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Tăng T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phùng Xuân Đ, sinh năm 1985.(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố My Điện 3, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980.(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hồng G, xã Đức G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1988.(có mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân L, xã Ngọc L, huyện T, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1992, ở thôn H, xã Tiến D, huyện Y, Bắc Giang có vợ là chị Hà Thị T, sinh năm 1990 ở cùng thôn. Do chị T đang là công nhân Công ty Luxshare tại khu công nghiệp Vân T, xã Nội H, huyện Y, nên vợ chồng H thuê trọ ở thôn C, xã Nội H, huyện Y. Sáng ngày 17/10/2020, H đang ngồi uống nước ở cổng khu Công nghiệp Vân Trung 2 thì thấy anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1990 ở xóm 3, xã Nghi X, huyện N, tỉnh Nghệ An là công nhân của công ty Luxshare và đang trọ ở thôn C, Tăng T, V là người quen đang đi xe mô tô đến Công ty Luxshare tại khu công nghiệp Vân Trung, xã Nội H, huyện Y để làm việc. Thấy anh C đi xe mô tô đến, H đi ra gọi và nhờ anh C chở H về phòng trọ của H ở xã Nội H để lấy đồ thì anh C đồng ý. Do sáng đi vội nên anh C có thể quên thẻ công nhân ở phòng trọ, nên anh C chở H về phòng trọ của C ở thôn C, xã Tăng T, huyện V, tỉnh Bắc Giang lấy thẻ xong sau đó chở H quay lại khu công nghiệp Vân Trung. Khi chở H đến khu Công nghiệp Vân Trung thì sắp đến giờ làm việc, nên anh C không chở H đi nữa mà bảo H xuống xe để anh C đi làm. Anh C đỗ và để xe cạnh bãi bảo vệ cổng D1 của công ty Luxshare, khóa cổ, khóa từ sau đó đi vào công ty làm việc. Đối với H, sau khi xuống xe, H đi vào quán nước ở gần đó để ngồi uống nước thì thấy bảo vệ công ty Luxshare đi ra dắt xe của anh C ra chỗ khác thì H đi đến bảo xe đó là của bạn H để ở đó đi vào làm vì sợ muộn giờ. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, biết anh C đang làm ở trong Công ty, xe mô tô anh C dựng ở ngoài cổng công ty không có người trông coi, H nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh C

đem đi cầm cố lấy tiền. Do không có khoá, nên H đến dắt xe mô tô của anh C từ vị trí cổng D1 công ty Luxshare đi đến khu vực thôn C, xã Nội H, huyện Y rồi nhờ người một người đi đường gọi cho anh Phùng Xuân Đ, sinh năm 1985 ở tổ dân phố My Điền 3, thị trấn N, huyện V là thợ sửa khóa đi đến để mở khóa điện cho H. Sau khi nhờ anh Đ mở được ổ khóa điện, H điều khiển xe mô tô trộm được đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980 ở thôn Hồng G, xã Đức G, huyện Y nói với anh P là xe của H và cầm cố chiếc xe mô tô cho anh P được 4.500.000 đồng, toàn bộ số tiền có được H sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 18/10/2020, anh C có đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện Y, cùng ngày 18/10/2020, biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, H đến công an huyện Y đầu thú.

Căn cứ lời khai của H, ngày 19/10/2020, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại gia đình Nguyễn Văn P thu giữ chiếc xe mô tô BKS 98H1-309.20 do H trộm cắp đem đến cầm và thu giữ 04 xe mô tô khác gồm (01 xe mô tô BKS 98G1-007.59; 01 xe mô tô BKS 18S5- 5977; 01 xe mô tô 98B1- 778.36 và 01 xe mô tô BKS 98M5-8939); 02 con dao tự chế bằng kim loại; 01 gậy bằng kim loại kiểu dáng gậy bóng chày; 01 đèn pin; 01 gậy rút bằng kim loại; 01 bình xịt hơi cay đã qua sử dụng cùng nhiều tài liệu giấy tờ có liên quan đến việc cho vay nợ, cầm cố.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 96 ngày 23/10/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave BKS 98H1-309.20 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 19.572.000 đồng.

Trong vụ án này, đối với Nguyễn Văn P có hành vi nhận cầm cầm xe mô tô do H phạm tội mà có, tuy nhiên khi nhận cầm cầm, Nguyễn Văn P không biết đó tài sản do phạm tội mà có. Ngoài lời khai không có chứng cứ khác nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô 98H1-309.20 do H trộm cắp của anh Chiến, qua điều tra xác định đăng ký tên chủ sở hữu là của chị Hoàng Thị N, sinh năm 1988 ở thôn Tân L, xã Ngọc L, huyện Tân Y, tỉnh Bắc Giang (là vợ anh C). Ngày 02/12/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị N.

Đối với các tài sản thu giữ khi khám xét nơi ở Nguyễn Văn P, quá trình điều tra xác định: Đối với 01 xe mô tô Biển kiểm soát 98G1-007.59, đăng ký xe tên chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 ở thôn Đông K, xã Tư M, huyện Y, chị T bán cho chiếc xe trên cho anh P năm 2019; xe mô tô Honda biển kiểm soát 18S5- 5977

đăng ký xe tên Vũ Quốc D, sinh năm 1976 ở xóm 9, xã Thanh H, huyện Hải H, tỉnh Nam Định, quá trình sử dụng anh D đã bán chiếc xe trên, qua tra cứu xác định xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng; xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 778.36 đăng ký xe tên anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1985 ở thôn An T, xã Yên L, huyện Y, anh H bán chiếc xe trên cho anh P; xe mô tô 98M5-8939 đăng ký xe tên anh Chu Bá U, sinh năm 1962 ở thôn Núi K, xã Quảng M, huyện V, tỉnh Bắc Giang, quá trình sử dụng anh U bán chiếc xe trên, sau đó anh Phan Văn N, sinh năm 1998 ở thôn Đông T, xã Tiến D, huyện Y mua lại của một cửa hàng mua bán xe máy và sử dụng cầm cố cho anh P để vay tiền, anh N đề nghị trả chiếc xe trên cho anh P quản lý, kết quả tra cứu xác định xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng.

Đối với 02 con dao tự chế bằng kim loại; 01 gậy bằng kim loại kiểu dáng gậy bóng chày; 01 đèn pin; 01 gậy rút bằng kim loại; 01 bình xịt hơi cay đã cũ, hỏng là của anh Nguyễn Văn P để tại nhà không sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với một số tài liệu giấy tờ có liên quan đến việc cho vay nợ, cầm cố. Qua điều tra không xác định được việc cho vay nợ, cầm cố đó có vi phạm pháp luật, nên ngày 31/12/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại Nguyễn Văn P: 04 xe mô tô; 02 con dao tự chế; 01 gậy bằng kim loại kiểu dáng gậy bóng chày; 01 đèn pin; 01 gậy rút bằng kim loại; 01 bình xịt hơi cay cùng toàn bộ giấy tờ, tài liệu có liên quan.

Về trách nhiệm dân sự: Chị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với H. Anh P yêu cầu H trả 4.500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 14/CT -VKSYD ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều, khoản trên là đúng, không oan. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị N khai: Đối với chiếc xe mô tô 98H1-309.20 do H trộm cắp của anh C (chồng chị) là xe của chị. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị. Nay, chị không yêu cầu gì về bồi thường, chị đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo, chị Nguyệt không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 18/10/2020.

-Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 579 BLDS năm 2015 Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền 4.500.000 đồng.

-Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay người bị hại anh Nguyễn Trọng C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phùng Xuân Đ và anh Nguyễn Văn P vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Xét về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 17/10/2020, tại khu vực cổng D1 của công ty

Luxshare, khu công nghiệp Vân Trung, xã Nội H, huyện Y, Nguyễn Văn H có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Biển kiểm soát 98H1-309.20, trị giá 19.572.000 đồng của anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1990 ở xóm 3, xã Nghi X, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An là công nhân Công ty Luxshare đi làm dựng ở đó. Sau khi trộm cắp được xe mô tô, H đem đến cầm cố cho anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980 ở thôn Hồng G, xã Đức G, huyện Y được 4.500.000 đồng sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang truy tố đối với Nguyễn Văn H là đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này, đối với Nguyễn Văn P có hành vi nhận cầm cố xe mô tô do H phạm tội mà có, tuy nhiên, khi nhận cầm cố, Nguyễn Văn P không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Ngoài lời khai không có chứng cứ khác, nên không có căn cứ xử lý.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[4] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân xấu: Bản án số 92/2014/HSST, ngày 30/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngày 01/9/2017, bị cáo bị Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự cho bị cáo, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập và tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô 98H1-309.20 do H trộm cắp của anh Chiến, qua điều tra xác định đăng ký tên chủ sở hữu là của chị Hoàng Thị N, sinh năm 1988 ở thôn Tân L, xã Ngọc L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (là vợ anh C). Ngày 02/12/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị N.

Đối với các tài sản thu giữ khi khám xét nơi ở Nguyễn Văn P, quá trình điều tra xác định: Đối với 01 xe mô tô Biển kiểm soát 98G1-007.59, đăng ký xe tên chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 ở thôn Đông K xã Tư M, huyện Y, chị T bán cho chiếc xe trên cho anh P năm 2019; xe mô tô Honda biển kiểm soát 18S5- 5977 đăng ký xe tên Vũ Quốc D, sinh năm 1976 ở xóm 9, xã Thanh H, huyện Hải H, tỉnh Nam Định, quá trình sử dụng anh D đã bán chiếc xe trên, qua tra cứu xác định xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng; xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 778.36 đăng ký xe tên anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1985 ở thôn An T, xã Yên L, huyện Y, anh Hưng bán chiếc xe trên cho anh Phở; xe mô tô 98M5-8939 đăng ký xe tên anh Chu Bá U, sinh năm 1962 ở thôn N, xã Quảng M, huyện V, tỉnh Bắc Giang, quá trình sử dụng anh bán chiếc xe trên, sau đó anh Phan Văn N, sinh năm 1998 ở thôn Đông T, xã Tiến D, huyện Y mua lại của một cửa hàng mua bán xe máy và sử dụng cầm cố cho anh P để vay tiền, anh N đề nghị trả chiếc xe trên cho anh P quản lý, kết quả tra cứu xác định xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng.

Đối với 02 con dao tự chế bằng kim loại; 01 gậy bằng kim loại kiểu dáng gậy bóng chày; 01 đèn pin; 01 gậy rút bằng kim loại; 01 bình xịt hơi cay đã cũ, hồng là của anh Nguyễn Văn P để tại nhà không sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với một số tài liệu giấy tờ có liên quan đến việc cho vay nợ, cầm cố Qua điều tra không xác định được việc cho vay nợ, cầm cố đó có vi phạm pháp luật, nên ngày 31/12/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại Nguyễn Văn P: 04 xe mô tô; 02 con

dao tự chế; 01 gậy bằng kim loại kiểu dáng gậy bóng chày; 01 đèn pin; 01 gậy rút bằng kim loại; 01 bình xịt hơi cay cùng toàn bộ giấy tờ, tài liệu có liên quan.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

Chị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh P có yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H trả 4.500.000 đồng. Xét yêu cầu của anh P, sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô 98H1-309.20 của anh C (đăng ký tên chủ sở hữu là của chị Hoàng Thị N (là vợ anh C) thì H đem cầm cố cho anh P lấy 4.500.000 đồng chi tiêu cá nhân, khi nhận cầm cố anh P không biết là tài sản trộm cắp, chiếc xe đã được thu hồi trả lại cho chị N. Do vậy xét thấy yêu cầu của anh P là phù hợp với khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 579 BLDS nên cần chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, để Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 18/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 579 BLDS năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Y;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Anh

